

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Hương Trang¹, Nguyễn Mậu Dũng^{2*}

¹*Viện Khoa học Quản trị Doanh nghiệp và Kinh tế số Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: maudung@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 02.12.2025

Ngày chấp nhận đăng: 05.05.2026

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Dựa trên phân tích nguồn số liệu thứ cấp kết hợp kết quả thảo luận nhóm, kết quả nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố: chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, tạo việc làm cho hơn 48% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp và đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố. Mặc dù đạt được mức tăng trưởng tích cực về số lượng (bình quân 2,33%/năm), nguồn vốn (5,3%/năm) và doanh thu thuần (6,9%/năm), khu vực này vẫn tồn tại những hạn chế về khả năng tiếp cận vốn, năng lực quản trị, phạm vi thị trường và mức lợi nhuận, đặc biệt ở nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ. Trên cơ sở đó bài viết đề xuất các giải pháp bao gồm tăng cường khả năng tiếp cận vốn, cải thiện năng lực quản trị và chất lượng nhân lực, thúc đẩy chuyển đổi số, mở rộng thị trường và hoàn thiện môi trường kinh doanh nhằm thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của thành phố trong thời gian tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh doanh, phát triển, sản xuất, thành phố Hà Nội.

Current State of Development of Small and Medium-sized Enterprises in Hanoi City

ABSTRACT

This study aimed to assess current status and to propose solutions to promote the development of small and medium-sized enterprises in Hanoi city. Based on secondary data analysis combined with group discussions, the study shows that small and medium sized enterprises played a vital role in the city's socio-economic development: they accounted for more than 97% of all active enterprises, providing employment for over 48% of the workforce in enterprises, and contributing significantly to the city's Gross regional domestic product. Although small and medium-sized enterprises in Hanoi had experienced growth in terms of the number (with an average annual increase of 2.33%), their capital (at 5.3% per year), and their net revenue (at 6.9% per year), they continued to face limitations in access to finance, managerial capacity, market reach, and profitability, particularly among micro and small enterprises. Based on the findings, the paper proposes a set of solutions, including enhancing access to finance, improving managerial capacity and workforce quality, promoting digital transformation, expanding markets, and improving the business environment, with the aim of fostering the development of small and medium enterprises in the coming years.

Keywords: Small and medium-sized enterprises, business, development, production, Hanoi city.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNV) ngày càng khẳng định vai trò là lực

lượng nòng cốt của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm và bảo đảm ổn định xã hội (Thủ tướng Chính phủ, 2025; Nguyen Thi Thuy, 2024; Nguyễn Phúc Thọ, 2022). Quan điểm này cũng được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh

tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh kinh tế tư nhân với trọng tâm là DNNVV là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả.

Tại Hà Nội, trung tâm kinh tế lớn của cả nước, DNNVV đã và đang trở thành lực lượng chủ lực, là động lực quan trọng, góp phần tạo việc làm, tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Theo Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025), trong năm 2023 số lượng DNNVV của thành phố Hà Nội chiếm 97,58% tổng số doanh nghiệp (DN) đang hoạt động, tạo việc làm cho 48,7% lao động trong doanh nghiệp và đóng góp trên 40% trong tổng GRDP của thành phố. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và những biến động địa chính trị toàn cầu, các DNNVV tại Hà Nội vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức về tiếp cận vốn, ứng dụng công nghệ, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực (UBND Thành phố Hà Nội, 2025; Nguyễn Phúc Thọ, 2022; Nguyen Anh Thu & cs., 2021; Nguyễn Thị Hạnh, 2020; Trần Thị Thanh Tú & Đinh Thị Thanh Vân, 2015). Trong giai đoạn 2019-2023 số DN rời hoặc tạm thời rời khỏi thị trường tăng bình quân 24,29%/năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng của DN đăng ký thành lập mới và quay lại hoạt động (7,02%/năm), làm suy giảm tỷ trọng đóng góp số thu từ sản xuất kinh doanh (SXKD) trong tổng thu nội địa của khu vực DNNVV từ 50,78% vào năm 2019 xuống còn 44,75% vào năm 2023 (UBND thành phố Hà Nội, 2024). Thực trạng phát triển của các DNNVV ở thành phố Hà Nội trong thời gian qua ra sao, những khó khăn thách thức trong quá trình phát triển của các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội là gì, và những giải pháp nào cần được thực hiện để thúc đẩy sự phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới là những câu hỏi đang được đặt ra. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng phát triển của các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua, từ đó đề xuất những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp bao gồm số lượng DN, số lượng DNNVV, tình hình lao động, nguồn vốn, kết quả SXKD của các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội được thu thập từ Niên giám thống kê Hà Nội, Sách trắng Doanh nghiệp được xuất bản trong giai đoạn 2020-2025 và từ các tài liệu đã được công bố khác. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng tiến hành thảo luận nhóm với lãnh đạo của 5 DNNVV đại diện cho các lĩnh vực SXKD (bao gồm 2 DNNVV hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, 3 DNNVV hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; công nghiệp và xây dựng) vào tháng 10/2025. Nội dung thảo luận nhóm chủ yếu tập trung vào việc phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức trong phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phương pháp thống kê mô tả và phân tích so sánh được sử dụng để mô tả số lượng DN, lực lượng lao động, nguồn vốn và kết quả SXKD của các DNNVV và so sánh các chỉ tiêu giữa các năm để phản ánh sự phát triển của các DNNVV theo thời gian. Phương pháp phân tích SWOT được sử dụng để phân tích và chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong quá trình phát triển, làm cơ sở để đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV trên địa bàn thành phố.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.1. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tiêu chí xác định DNNVV ở Việt Nam được quy định tại Điều 4 của Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật số 04/2017/QH14) được Quốc hội ban hành ngày 12/06/2017. Theo đó DNNVV bao gồm DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí: (a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; (b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. DN siêu nhỏ, DN

nhỏ và DN vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ (Bảng 1). Tiêu chí để xác định DNNVV trong từng lĩnh vực được quy định chi tiết trong Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP được ban hành ngày 26/08/2021 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV. Theo đó DNNVV được xác định theo từng lĩnh vực cụ thể và dựa vào hai tiêu chí: (1) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm và (2) Tổng doanh thu của năm hoặc tổng nguồn vốn của năm.

Số liệu trong bảng 2 cho thấy số lượng DN của Hà Nội đang hoạt động có kết quả SXKD năm 2023 là 155.302 DN, trong đó số lượng DNNVV chiếm tỷ trọng trên 97%. Số lượng DNNVV đã tăng từ 84.379 giai đoạn 2011-2015 lên 126.426 giai đoạn 2016-2020 và đạt 151.543

DN vào năm 2023. Quy mô lớn về số lượng giúp khu vực này trở thành một trong những lực lượng nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của thành phố (Nguyễn Xuân Hiếu, 2025; Hương Thủy, 2025). Trong giai đoạn 5 năm từ 2019-2023, số lượng DNNVV của thành phố tăng bình quân là 2,33%/năm. Điều này phản ánh môi trường kinh doanh của thành phố là ổn định, thuận lợi cho các DNNVV hoạt động, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu lớn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và mở rộng hoạt động SXKD của các DN trên địa bàn thành phố.

Số liệu trong bảng 2 cũng cho thấy số lượng DN siêu nhỏ trên địa bàn thành phố năm 2023 là 104.334 DN, chiếm tỷ trọng lớn nhất (68,85%), và có mức tăng bình quân trong giai đoạn 2019-2023 là 2,9%/năm. Tỷ trọng DN nhỏ chiếm 27,34% và DN vừa chỉ chiếm 3,81%.

Bảng 1. Tiêu chí để xác định loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lĩnh vực	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ
DN siêu nhỏ	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 10 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 10 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng
DN nhỏ	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 50 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng
DN vừa	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 200 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng	(a) Số lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người; (b) Tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng

Nguồn: Chính phủ (2021).

Bảng 2. Số lượng DNNVV đang hoạt động có kết quả SXKD của thành phố Hà Nội

	Bình quân giai đoạn 2011-2015	Bình quân giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng số DN	86.514	129.517	147.454	150.522	155.302
Trong đó: - Số DNNVV	84.379	126.426	144.049	146.824	151.543
- Tỷ trọng (%)	97,53	97,61	97,69	97,54	97,58
2. Cơ cấu DNNVV					
- DN siêu nhỏ (%)	65,02	69,56	70,71	68,58	68,85
- DN nhỏ (%)	31,66	26,97	25,66	27,54	27,34
- DN vừa (%)	3,32	3,47	3,64	3,88	3,81

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025).

Trong khi đó tốc độ tăng bình quân của DN nhỏ giai đoạn 2019-2023 là 2,59%/năm và của DN vừa là 5,13%/năm. Mặc dù DN vừa có tốc độ tăng trưởng cao hơn, tuy nhiên tỷ trọng DN này vẫn ở mức thấp (3,81%), cho thấy nền kinh tế của thành phố hiện vẫn phụ thuộc rất lớn vào kết quả và hiệu quả hoạt động của DN siêu nhỏ và DN nhỏ.

3.1.2. Lực lượng lao động trong các DNNVV

DNNVV giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong thu hút lực lượng lao động và tạo việc làm cho người dân của thành phố và các địa phương trong cả nước. Với tỷ trọng chiếm tới hơn 97% tổng số DN của thành phố, các DNNVV là các đơn vị cung cấp việc làm chủ lực, hấp thụ một lực lượng lao động rất lớn và đa dạng về trình độ. DNNVV có ưu thế nổi bật là khả năng linh hoạt trong tuyển dụng, dễ dàng mở rộng hoặc thu hẹp quy mô, từ đó tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới mỗi năm, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và công nghệ. Đây cũng là khu vực thu hút nhiều lao động trẻ, lao động nhập cư từ các tỉnh lân cận (Lê Thị Mỹ Linh, 2009; Nguyen Tu Anh & cs., 2016; Le Lan Huong, 2019; Lại Thị Hải Bình, 2021). Số liệu trong bảng 3 cho thấy tổng số lao động đang làm việc trong các DNNVV của thành phố là hơn 1,17 triệu người, chiếm hơn 48% tổng số lao động đang làm việc trong các DN của thành phố. Tuy nhiên trong giai đoạn 2019-2023, số lượng lao động trong các DN nói chung, trong các DNNVV nói riêng đều có xu hướng giảm (với tốc độ giảm bình quân tại DNNVV là 0,37%/năm). Điều này là do tác động của dịch bệnh Covid-19 và hậu Covid-19, cũng

như ảnh hưởng tác động của chuyển đổi số đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Số lượng lao động đang làm việc tính bình quân/DNNVV là khá thấp (7,7 người trong năm 2023) và có xu hướng giảm đi trong giai đoạn 2015-2021, tăng nhẹ giai đoạn 2022-2023. Bình quân trong năm 2023, một DN vừa có 44,7 lao động, trong khi một DN nhỏ chỉ có 13,7 lao động và một DN siêu nhỏ chỉ có 3,3 lao động làm việc. Điều này phản ánh xu hướng thu hẹp quy mô, tăng tự động hóa, chuyển đổi mô hình kinh doanh trong bối cảnh tác động của hậu Covid-19 và của quá trình chuyển đổi số đối với các DNNVV hiện nay như kết quả một số nghiên cứu đã chỉ ra (Nguyễn Đức Chiện, 2022; Dương Nguyễn Thanh Thủy, 2024; Le Thu Thuy, 2025).

3.1.3. Nguồn vốn của DNNVV

Nguồn vốn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của các DN nói chung, DNNVV nói riêng. Trước hết vốn là điều kiện tiên quyết để các DN đầu tư máy móc, công nghệ, mở rộng SXKD và nâng cao năng lực cạnh tranh. Với đặc thù quy mô nhỏ, DNNVV thường thiếu vốn nên khả năng nắm bắt cơ hội thị trường, áp dụng công nghệ hiện đại, đổi mới sản phẩm bị hạn chế (UBND thành phố Hà Nội, 2024). Bên cạnh đó, nguồn vốn ổn định giúp DN duy trì hoạt động, bảo đảm dòng tiền cho sản xuất, trả lương lao động và quản trị rủi ro - những yếu tố ngày càng quan trọng trong bối cảnh hội nhập. Vì vậy, phát triển nguồn vốn không chỉ nâng cao sức mạnh nội tại mà còn tạo nền tảng để DNNVV tăng trưởng bền vững và tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bảng 3. Tình hình lao động trong các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

	Bình quân giai đoạn 2011-2015	Bình quân giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số LĐ đang làm việc trong các DNNVV	988.783	1.182.138	1.069.930	1.121.995	1.173.611
Tỷ trọng LĐ của DNNVV trong tổng số LĐ đang làm việc tại các DN (%)	48,96	49,74	47,61	46,52	48,07
Số LĐ bình quân/DNNVV	11,7	9,4	7,4	7,6	7,7
- DN siêu nhỏ	4,3	4,4	3,2	3,2	3,3
- DN nhỏ	19,8	16,0	13,8	13,5	13,7
- DN vừa	79,4	57,0	45,5	44,5	44,7

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025).

Bảng 4. Nguồn vốn các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

	Bình quân giai đoạn 2011-2015	Bình quân giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng nguồn vốn của các DNNVV (ngàn tỷ đồng)	4.643,7	8.580,4	1.1716,1	12.481,2	1.4020,2
2. Tỷ trọng nguồn vốn của các DNNVV trong tổng nguồn vốn của các DN (%)	32,6	33,9	34,8	32,5	30,6
3. Vốn bình quân/DNNVV (tỷ đồng)	18,0	23,0	28,3	27,6	28,3
- DN siêu nhỏ	6,6	12,3	14,1	12,6	14,2
- DN nhỏ	30,2	33,2	41,7	41,6	42,2
- DN vừa	122,7	159,3	211,0	194,0	183,8

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025).

Số liệu trong bảng 4 cho thấy tổng nguồn vốn của DNNVV tăng mạnh qua các giai đoạn, thể hiện xu hướng mở rộng quy mô tài chính của các DNNVV. Tổng nguồn vốn của các DNNVV tăng từ 4,6 triệu tỷ đồng bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 14,02 triệu tỷ đồng vào năm 2023 (tăng gần gấp 3 lần). Tuy nhiên tỷ trọng nguồn vốn của DNNVV trong tổng nguồn vốn của toàn bộ DN đang có xu hướng giảm nhẹ từ 34,8% năm 2021 xuống còn 30,6% năm 2023, cho thấy tốc độ tăng nguồn vốn của khu vực DNNVV chậm hơn so với các DN quy mô lớn. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn của DNNVV giai đoạn 5 năm 2019-2023 chỉ đạt bình quân 5,2%/năm trong khi con số này của DN quy mô lớn là 12,3%/năm.

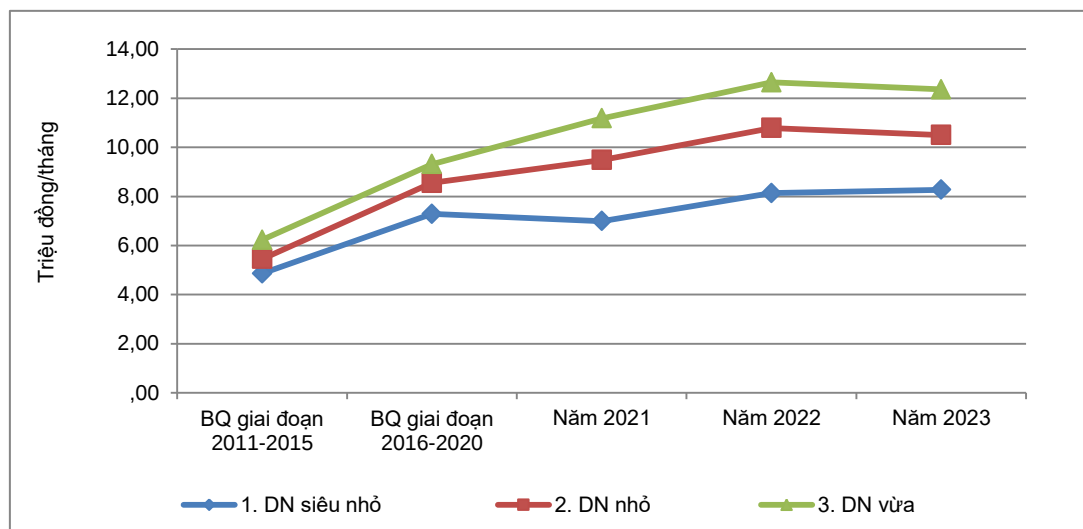
Vốn bình quân của một DNNVV tăng từ 18 tỷ đồng bình quân giai đoạn 2011-2016 lên 23,0 tỷ đồng bình quân giai đoạn 2016-2020 và đạt 28,3 tỷ đồng vào năm 2023 phản ánh sự cải thiện về năng lực tài chính. Nguồn vốn bình quân của DN siêu nhỏ chỉ đạt 14,2 tỷ đồng, trong khi của DN nhỏ là 42,2 tỷ đồng (gấp 3 lần so với DN siêu nhỏ) và của DN vừa là 183,8 tỷ đồng (gấp 12,9 lần so với DN siêu nhỏ). Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn trong giai đoạn 2019-2023 của DN siêu nhỏ chỉ đạt 0,81%/năm, trong khi của DN nhỏ đạt 8,04%/năm và của DN vừa đạt 7,82%/năm. Nguyên nhân của tình trạng này là do khả năng tiếp cận nguồn vốn của các DNNVV gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở nhóm DN siêu nhỏ như kết quả của nhiều nghiên cứu đã chỉ ra (Trần Thị Thanh Tú & Đinh Thị

Thanh Vân, 2015; Đinh Vũ Minh, 2025).

3.1.4. Thu nhập của người lao động trong các DNNVV

Thu nhập của người lao động trong các DNNVV là chỉ tiêu quan trọng phản ánh sự phát triển của DN. Thu nhập ổn định và phù hợp là động lực thúc đẩy năng suất lao động, giúp người lao động gắn bó lâu dài với DN, giảm tỷ lệ nhảy việc, nghỉ việc. Đồng thời, mức thu nhập hợp lý giúp DNNVV thu hút và giữ chân nhân lực có trình độ, từ đó nâng cao hiệu quả SXKD. Bên cạnh đó, thu nhập của người lao động góp phần cải thiện mức sống, thúc đẩy tiêu dùng và ổn định xã hội.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập bình quân của người lao động trong DNNVV của thành phố Hà Nội có xu hướng tăng qua các giai đoạn phản ánh khả năng tài chính và hiệu quả hoạt động của DNNVV được cải thiện. Thu nhập bình quân của người lao động tại DN siêu nhỏ, nhỏ và vừa ở năm 2023 lần lượt là 8,3 triệu đồng/tháng, 10,5 triệu đồng/tháng và 12,3 triệu đồng/tháng, tăng gần gấp đôi so với thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2011-2015. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong DN siêu nhỏ là thấp nhất, chỉ bằng 79,05% so với DN nhỏ, 67,48% so với DN vừa, phản ánh sự phân hóa trong khả năng chi trả tiền lương dựa trên hiệu quả SXKD và quy mô của DN. Điều này cũng phù hợp với những kết quả nghiên cứu của Rand & Torm (2012), Hồ Lê Phương Thảo (2025).



Hình 1. Thu nhập bình quân của người lao động trong các DNNVV trên địa bàn thành phố

Bảng 5. Doanh thu thuần của DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chỉ tiêu	Bình quân giai đoạn 2011-2015	Bình quân giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng doanh thu thuần của các DNNVV (ngàn tỷ đồng)	817,2	1.262,8	1.613,1	1.823,9	1.860,9
2. Tỷ trọng doanh thu thuần của các DNNVV trong tổng doanh thu thuần của tất cả các DN (%)	34,26	31,38	30,67	29,71	29,29
3. Doanh thu thuần bình quân /DNNVV (tỷ đồng)	9,69	9,99	11,20	12,42	12,28
- DN siêu nhỏ	1,40	1,33	1,41	1,54	1,58
- DN nhỏ	18,56	19,91	22,83	24,12	23,81
- DN vừa	87,24	106,40	119,52	121,70	122,73

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025).

3.1.5. Doanh thu thuần của các DNNVV

Doanh thu thuần phản ánh trực tiếp kết quả SXKD, cho biết mức độ tăng trưởng và năng lực tạo giá trị của DN nói chung, DNNVV nói riêng. Doanh thu thuần cũng quyết định khả năng duy trì dòng tiền, hỗ trợ thanh toán chi phí, trả lương, trả nợ và đảm bảo tính thanh khoản (Vũ Duy Hào & Trần Minh Tuấn, 2016; Chi cục Thống kê Thành phố Hà Nội, 2025). Số liệu trong bảng 5 cho thấy tổng doanh thu thuần của DNNVV liên tục tăng qua các giai đoạn, từ 817,2 ngàn tỷ đồng bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 1.262,8 ngàn tỷ đồng giai đoạn 2016-2020 và đạt tới 1.860,9 ngàn tỷ vào năm 2023, qua đó phản ánh quy mô hoạt động kinh doanh của các DNNVV đã được mở rộng đáng kể. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu thuần của

DNNVV có xu hướng giảm, từ 34,26% giai đoạn 2011-2015 xuống còn 31,38% giai đoạn 2016-2020 và xuống còn 29,29% trong năm 2023. Điều này là do tốc độ tăng trưởng của doanh thu thuần của các DNNVV (đạt 6,9%/năm trong giai đoạn 2019-2023) là thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần của các DN có quy mô lớn (đạt 9,3%/năm trong cùng giai đoạn). Do vậy đóng góp của DNNVV trong tổng doanh thu thuần đã bị thu hẹp tương đối.

Doanh thu thuần bình quân của từng nhóm DNNVV đều tăng cho thấy năng lực SXKD của các DNNVV đều được cải thiện. Tuy nhiên mức doanh thu thuần/DN và tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần bình quân/DN có sự khác biệt lớn giữa các nhóm DN. Doanh thu thuần bình quân/DN siêu nhỏ chỉ đạt 1,58 tỷ đồng vào năm

2023 và tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần bình quân của DN siêu nhỏ chỉ đạt 2,9%/năm trong giai đoạn 2019-2023. Trong khi đó, doanh thu thuần bình quân của DN nhỏ đạt 23,81 tỷ đồng và của DN vừa là 122,73 tỷ đồng trong năm 2023, cao gấp 15,1 lần và 77,7 lần so với DN siêu nhỏ. Có thể thấy, doanh thu thuần của DNNVV tăng theo hướng tích cực, song có sự phân hóa giữa các nhóm là khá rõ và vị thế của khu vực DNNVV trong cơ cấu doanh thu thuần của toàn nền kinh tế đang có xu hướng giảm đi.

3.1.6. Lợi nhuận trước thuế của các DNNVV

Lợi nhuận là chỉ tiêu phản ánh trung thực nhất hiệu quả SXKD cốt lõi của DN, là cơ sở để đánh giá khả năng sinh lời, quyết định khả năng tài đầu tư và mở rộng quy mô, phản ánh hiện trạng và triển vọng phát triển của DN (Vũ Duy Hào & Trần Minh Tuấn, 2016). Số liệu trong bảng 6 cho thấy khu vực DNNVV có tổng lợi nhuận trước thuế bình quân ở giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020 là âm, lần lượt là -1.461 tỷ đồng và -2.407 tỷ đồng, phản ánh tình trạng SXKD kém hiệu quả (chi phí hoạt động lớn hơn doanh thu thuần), đặc biệt là ở các DN nhỏ và siêu nhỏ. Đây là giai đoạn mà nhiều DN gặp khó khăn về vốn, công nghệ và thị trường (Trần Thị Thanh Tú & Đinh Thị Thanh Vân, 2015; Nguyễn Thị Hạnh, 2020; Trần Thị Xuân Anh & cs., 2021). Từ năm 2021 trở đi, lợi nhuận của các DN đã được cải thiện rõ rệt, đạt 9.388 tỷ đồng và duy trì ở mức dương trong những năm tiếp theo. Sự phục hồi này gắn liền với quá trình chuyển đổi số, sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong giai đoạn hậu Covid-19, cũng như khả năng thích ứng ngày càng tốt hơn của DN (Dương Nguyễn Thanh Thủy, 2024; Đinh Vũ Minh, 2025). Tuy nhiên, tỷ trọng lợi nhuận của DNNVV trong tổng lợi nhuận toàn bộ DN vẫn ở mức rất thấp, chỉ khoảng 2,8-3,4%, cho thấy đóng góp của khối DNNVV còn hạn chế.

Mặc dù lợi nhuận trước thuế bình quân của khu vực DNNVV trong giai đoạn 2021-2023 đạt mức dương nhưng rất nhỏ (0,05-0,07 tỷ đồng/DN). Trong đó, nhóm DN siêu nhỏ có lợi nhuận luôn âm, cho thấy nhóm này gặp khó

khăn kéo dài, kinh doanh không hiệu quả. Nhóm DN nhỏ bắt đầu có lãi từ 2021 nhưng biến động mạnh. Nhóm DN vừa có kết quả khả quan nhất, lợi nhuận bình quân tăng liên tục từ 1,69 lên 3,42 tỷ đồng, chứng tỏ năng lực cạnh tranh và hiệu quả tài chính vượt trội so với hai nhóm còn lại. Theo số liệu chung của cả nước thì tỷ lệ DN siêu nhỏ kinh doanh có lãi trong năm 2023 chỉ là 34,5%, trong khi DN nhỏ là 61,5% và DN vừa là 69,3%; Tỷ lệ các DN kinh doanh có lãi trên địa bàn thành phố Hà Nội là 44,8%, trong khi tỷ lệ DN kinh doanh thua lỗ là 50,9% (Cục Thống kê - Bộ Tài chính, 2025).

3.2. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) trong phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố

Kết quả phân tích SWOT (Bảng 7) cho thấy phát triển DNNVV tại Hà Nội có nhiều điểm mạnh như số lượng đông đảo, linh hoạt trong hoạt động, khả năng thích ứng nhanh và tạo nhiều việc làm, đồng thời một số DN còn thể hiện năng lực đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, khu vực này cũng tồn tại điểm yếu rõ rệt, bao gồm hạn chế về vốn, năng lực quản trị còn yếu, lợi nhuận thấp và khó tiếp cận thị trường lớn. Đây cũng là điểm mạnh và hạn chế đã được đề cập trong một số nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của Nguyễn Thị Hạnh (2020), Nguyen Anh Thu & cs. (2021), Nguyễn Tú Anh & cs. (2025). Về cơ hội, DNNVV được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, có thị trường tiêu dùng rộng lớn, cơ hội ứng dụng công nghệ số và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Ngược lại, thách thức bao gồm cạnh tranh gay gắt từ DN lớn và FDI, biến động kinh tế và dịch bệnh, thiếu lao động có tay nghề cao, cũng như khó tiếp cận công nghệ hiện đại. Những cơ hội và thách thức này cũng đã được đề cập trong Sách trắng Doanh nghiệp Hà Nội (UBND thành phố Hà Nội, 2024) và các nghiên cứu khác (Nguyễn Phúc Thọ, 2022; Đinh Vũ Minh, 2025;...).

3.3. Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho DNNVV: Kết quả đánh giá thực trạng và

phân tích SWOT cho thấy đa số các DNNVV đều có nguồn lực tài chính hạn chế nên tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho DNNVV là giải pháp then chốt. Thành phố cần tăng cường kết nối giữa DNNVV với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và các quỹ hỗ trợ phát triển DN, qua đó mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn vốn đa dạng và phù hợp. Đồng thời, cần

rà soát và đơn giản hóa điều kiện vay, quy trình thẩm định và thủ tục giải ngân, giúp DN giảm bớt gánh nặng hành chính và tăng khả năng được phê duyệt khoản vay. Việc cải thiện cơ chế cung ứng vốn theo hướng minh bạch, thuận lợi và linh hoạt sẽ góp phần hỗ trợ DNNVV duy trì hoạt động SXKD và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Bảng 6. Lợi nhuận trước thuế của DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

	Bình quân giai đoạn 2011-2015	Bình quân giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng lợi nhuận trước thuế của các DNNVV (tỷ đồng)	-1.461	-2.407	9.388	8.990	7.422
2. Tỷ trọng lợi nhuận trước thuế của các DNNVV trong tổng lợi nhuận trước thuế của tất cả các DN (%)	-	-	3,44	2,83	3,07
3. Lợi nhuận trước thuế bình quân /DNNVV (tỷ đồng)	-0,02	-0,02	0,07	0,06	0,05
- DN siêu nhỏ	-0,09	-0,12	-0,11	-0,12	-0,12
- DN nhỏ	-0,05	0,00	0,27	0,15	0,01
- DN vừa	1,69	1,87	1,95	2,59	3,42

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025).

Bảng 7. Phân tích SWOT trong phát triển của DNNVV trên địa bàn thành phố

Điểm mạnh	Điểm yếu
a. Số lượng đông đảo: DNNVV chiếm trên 97% tổng số DN, tạo mạng lưới kinh tế năng động và đa dạng ngành nghề. b. Linh hoạt và thích ứng nhanh: Quy mô nhỏ giúp DNNVV dễ điều chỉnh hoạt động, nắm bắt cơ hội thị trường và thích ứng với biến động kinh tế. c. Tạo việc làm lớn: DNNVV là nguồn việc làm chính, hấp thụ lao động phổ thông và lao động nhập cư. d. Khả năng đổi mới sáng tạo: Nhiều DNNVV tham gia lĩnh vực công nghệ số, khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường nhanh chóng.	a. Hạn chế về vốn: Nhiều DNNVV, đặc biệt siêu nhỏ và nhỏ, khó tiếp cận vốn ngân hàng, hạn chế mở rộng quy mô và đầu tư công nghệ. b. Năng lực quản trị thấp: Thiếu kinh nghiệm quản lý, hoạch định chiến lược và kiểm soát chi phí. c. Lợi nhuận thấp, phân hóa mạnh: Nhiều DN nhỏ, siêu nhỏ hoạt động không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp, dễ bị rủi ro kinh tế tác động. d. Khó tiếp cận thị trường lớn: Thiếu thương hiệu, mạng lưới phân phối hạn chế, cạnh tranh yếu với DN lớn.
Cơ hội	Thách thức
a. Chính sách hỗ trợ DNNVV: Hà Nội và Chính phủ có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vốn, đào tạo và cải thiện môi trường SXKD cho DNNVV (Luật hỗ trợ DN số 04/2017/QH14, nghị định 80/2021-NĐ-CP; Đề án hỗ trợ DNNVV của Hà Nội giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 68/NQ-TW về hỗ trợ kinh tế tư nhân...) b. Thị trường tiêu dùng lớn: Dân số đông, nhu cầu dịch vụ, tiêu dùng tăng, tạo cơ hội mở rộng sản xuất - kinh doanh. c. Chuyển đổi số và công nghệ mới: Sự phát triển của công nghệ thông tin, thương mại điện tử, logistics mở ra nhiều cơ hội đổi mới sản phẩm, quản lý và tiếp cận khách hàng. d. Hội nhập kinh tế quốc tế: Các hiệp định thương mại tạo cơ hội xuất khẩu và hợp tác với đối tác nước ngoài.	a. Cạnh tranh gay gắt: Áp lực cạnh tranh từ DN lớn, các DN có vốn đầu tư nước ngoài và các DN từ các tỉnh khác. b. Biến động kinh tế xã hội: Tác động của lạm phát, giá nguyên liệu, ảnh hưởng của hậu Covid-19, căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả SXKD của các DN. c. Khó thu hút nhân lực có trình độ cao: do quy mô nhỏ, trang thiết bị hạn chế hơn và thu nhập thấp hơn các DN lớn. d. Khó tiếp cận công nghệ hiện đại: Do chi phí cao và hạn chế về năng lực quản trị, nhiều DNNVV chưa tận dụng được chuyển đổi số. e. Yêu cầu tuân thủ các quy định trong nước và quốc tế ngày càng khắt khe hơn: yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, về an toàn thực phẩm, về bộ chỉ tiêu đo lường phát triển bền vững (ESG) của đối với DN.

Ghi chú: Kết quả thảo luận nhóm (2025).

Cải thiện năng lực quản trị và nâng cao chất lượng nhân lực trong DNNVV: Cải thiện năng lực quản trị và chất lượng nhân lực là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của DNNVV, bởi nhiều DNNVV còn hạn chế về năng lực quản trị, năng lực hoạch định chiến lược và trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu mới của thị trường như kết quả phân tích SWOT đã chỉ ra. Do vậy, Thành phố cần tăng cường các chương trình đào tạo về quản trị DN, tài chính - kế toán, marketing và chuyển đổi số cho chủ DN và đội ngũ quản lý. Các DNNVV cũng cần chú trọng tuyển dụng, đào tạo lại và bồi dưỡng cho người lao động nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng suất lao động. Việc thúc đẩy liên kết với các cơ sở đào tạo, hiệp hội ngành nghề cũng giúp DNNVV có thể tiếp cận nguồn nhân lực có chất lượng cao hơn.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong các DNNVV: Chuyển đổi số đã trở thành yêu cầu cấp bách đối với DNNVV trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn và khi mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy nhiều DNNVV còn hạn chế về công nghệ, nhân lực và nguồn vốn. Vì vậy, việc hỗ trợ DNNVV tăng cường ứng dụng các nền tảng số cơ bản trong quản lý bán hàng, kế toán, nhân sự và marketing trực tuyến là hết sức cần thiết. Thành phố cần xây dựng kế hoạch cụ thể về tổ chức các chương trình tư vấn, đào tạo kỹ năng số và cung cấp hỗ trợ tài chính cho DN đầu tư hạ tầng công nghệ. Đồng thời, cần xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số giúp DNNVV dễ dàng tiếp cận giải pháp phù hợp và tiết kiệm chi phí.

Tăng cường liên kết và mở rộng thị trường: Kết quả phân tích thực trạng và phân tích SWOT cho thấy các DNNVV có hạn chế về quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh yếu và dễ bị tổn thương trước biến động thị trường. Do vậy, các DNNVV cần chủ động tích cực kết nối với DN lớn và với các chuỗi cung ứng nhằm tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị. Đồng thời, các DNNVV cần đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển kênh bán hàng trực tuyến và mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua hội chợ, sàn thương mại điện tử và mạng lưới đối tác quốc tế,

chú trọng về các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, về an toàn thực phẩm và bộ tiêu chuẩn đo lường phát triển bền vững (ESG) đối với DN. Bên cạnh đó, Thành phố cần tích cực hỗ trợ các DNNVV về thông tin thị trường, hỗ trợ kết nối giữa các DN với nhau và hỗ trợ xây dựng thương hiệu để giúp DN mở rộng hoạt động SXKD một cách có hiệu quả.

Các giải pháp khác: Thành phố cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách để tạo môi trường kinh doanh theo hướng minh bạch, ổn định giúp DN yên tâm đầu tư và mở rộng hoạt động. Bên cạnh đó, việc cải cách thủ tục hành chính phải được đẩy mạnh hơn nữa, đặc biệt trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, thuế, đất đai, cấp phép xây dựng và tiếp cận thông tin. Thành phố cũng cần tăng cường hỗ trợ pháp lý, tư vấn sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng và bảo vệ quyền lợi DN để tạo nền tảng phát triển bền vững.

4. KẾT LUẬN

DNNVV tại Hà Nội giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và góp phần ổn định xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy DNNVV chiếm trên 97% tổng số DN và cung cấp việc làm cho hơn 48% lực lượng lao động trong các DN trên địa bàn thành phố. Mặc dù Khu vực DNNVV có xu hướng tăng trưởng, thể hiện qua tốc độ tăng bình quân hàng năm của nguồn vốn đạt 5,3%, doanh thu thuần đạt 6,9% và thu nhập bình quân của người lao động tăng 2,3% trong giai đoạn 2019-2023, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế, đặc biệt ở nhóm DN siêu nhỏ và nhỏ. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra bên cạnh những điểm mạnh như số lượng đông đảo, linh hoạt và khả năng tạo việc làm, các DNNVV trên địa bàn thành phố gặp khó khăn về vốn, năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và tiếp cận thị trường, dẫn đến lợi nhuận thấp và phân hóa rõ rệt giữa các nhóm. Để thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV trên địa bàn thành phố thì nâng cao khả năng tiếp cận vốn, cải thiện năng lực quản trị và chất lượng nhân lực, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường liên kết và mở rộng thị trường là những giải pháp trọng tâm cần được triển khai thực hiện trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi cục Thống kê Thành phố Hà Nội (2025). Niên giám thống kê thành phố Hà Nội 2024. Nhà xuất bản Thống kê.
- Chính phủ (2021). Nghị định số 80/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - ban hành ngày 26/08/2021.
- Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025). Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2025. Nhà xuất bản Thống kê.
- Đinh Vũ Minh (2025). Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới. Luận án tiến sĩ. Học viện Chính trị Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dương Nguyễn Thanh Thủy (2024). Nghiên cứu mức độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận án tiến sĩ. Đại học Thương mại Hà Nội.
- Hồ Lê Phương Thảo (2025). Xu hướng thu nhập cá nhân người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế Dự báo.
- Hương Thủy (2025). Dấu ấn đóng góp của doanh nghiệp tư nhân. Báo Hà Nội mới
- Lại Thị Hải Bình (2021) Thực trạng nhân lực truyền thông trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội. Tạp chí Công thương. 28.
- Le Lan Huong (2019). The importance of Public Spaces to Social Intergration for Young Migrant Workers in Hanoi. Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE. 13(2): 111-120
- Lê Thị Mỹ Linh (2009). Phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Luận án tiến sĩ. Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Le Thu Thủy (2025). Tổng quan nghiên cứu về chuyển đổi số và yếu tố tác động của nhân viên trong quá trình chuyển đổi số tại các doanh nghiệp. Tạp chí Công thương. 18
- Nguyen Anh Thu, Dinh Tran Ngoc Huy, Nguyen Trong Diep, Ly Thi Hue & Nguyen Dinh Trung (2021). SMEs Development, Vocational Training and Protecting Laborers Issues in Industrial Parks – Case in Hanoi Capital, Vietnam. Revista Geintec. 11(1): 6121-6133.
- Nguyễn Đức Chiện (2022) Chuyển đổi cơ cấu lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam. 2: 29-37.
- Nguyễn Phúc Thọ (2022). Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Động lực tăng trưởng kinh tế. Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ. 18: 19-24.
- Nguyễn Thị Hạnh (2020). Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên. 225(10): 77-81.
- Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Đức Xuân, Nguyễn Minh Anh & Nguyễn Tuấn Anh (2023). Thực trạng chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tạp chí Công thương.
- Nguyen Thi Thuy (2024). Promoting Small and Medium Enterprises in Vietnam Today: Current Situation and Solutions. International Journal of Multidisciplinary Research and Publications (IJMRAP). 7(6): 147-151
- Nguyen Tu Anh, Nguyen Thu Thuy & Dang Thi Thu Hoai (2016). Employment and quality of employment in Vietnam: The roles of small firms, formalization and education. R4D Working Paper 2016/10. Swiss Program for Research on Global Issue for Development.
- Nguyễn Xuân Hiếu (2025). Năng lực doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hà Nội. Tạp chí Kinh tế và dự báo.
- Quốc hội (2014). Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/06/2017 - Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Rand J. & Torm N. (2012). The informal sector wage gap among Vietnamese micro-firms. Journal of the Asia Pacific Economy. 17(4): 560-577.
- Thủ tướng Chính phủ (2025). Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 25/03/2025 về Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Trần Thị Thanh Tú & Đinh Thị Thanh Vân (2015). Phát triển nguồn tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh. 31(3): 21-31.
- Trần Thị Xuân Anh, Dương Ngân Hà, Nguyễn Thúy Quỳnh & Vũ Thúy Nga (2021). Tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng. 234: 11-22.
- UBND Thành phố Hà Nội (2024). Sách trắng doanh nghiệp Hà Nội. Nhà xuất bản Hà Nội.
- UBND thành phố Hà Nội (2025). Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 1/11/2025. phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030”.
- Vũ Duy Hào & Trần Minh Tuấn (2016). Giáo trình Tài chính doanh nghiệp. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.